TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 52/2023/HNGĐ-ST.
Ngày: 05/7/2023
"V/v: Yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lường Văn Tình.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần Đức Hòa.
2. Ông Phạm Thành Đô.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Quốc Hải– Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên toà*:** Bà Trịnh Thị Tâm.

Trong ngày 05 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 89/2023/TLST-HNGĐ, ngày 27 tháng 4 năm 2023, về "Yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 120/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 16 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Hoàng Anh Th, sinh năm 1952. (Có mặt)
Nơi cư trú: Thôn 3, xã BM, huyện B, tỉnh Bình Phước.

2. Bị đơn: Bà Ngô Thị L, sinh năm 1962. (Có mặt)
Nơi cư trú: Thôn 3, xã BM, huyện B, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 27/4/2023, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Hoàng Anh Th trình bày:***

Ông và bà Ngô Thị L tự nguyện tìm hiểu, tiến tới quan hệ hôn nhân từ năm 1996, nhưng không L hệ với cơ quan có thẩm quyền để đăng ký kết hôn. Trước khi tiến tới quan hệ hôn nhân thì ông và bà Th đều đã chấm dứt quan hệ hôn nhân với người khác. Trong vài năm trở lại đây ông và bà L xảy ra mâu thuẫn gia đình và trầm trọng từ năm 2022 cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan

điểm trong sinh hoạt hàng ngày, thường xuyên cãi vã không kiềm chế được cảm xúc nên đã có lời lẽ xúc phạm nhau. Ông cũng đã xin lỗi bà L để hai bên có thể tiếp tục sống chung nhưng bà L cương quyết chấm dứt quan hệ giữa hai bên để tự ổn định cuộc sống. Nay ông thấy mâu thuẫn hai bên đã thực sự trầm trọng, không thể níu kéo nên yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên bố quan hệ giữa ông và bà L không phải là quan hệ vợ chồng.

Về con chung: Ông và bà L có 01 con chung là Hoàng Thị Ngọc L1, sinh năm 1998. Ông không yêu cầu giải quyết người trực tiếp nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con, do con chung đã thành niên và lập gia đình.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông và bà L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Ngô Thị L trình bày:***

Bà xác nhận về quan hệ hôn nhân giữa hai bên; nguyên nhân mâu thuẫn và tình trạng mâu thuẫn hiện nay như ông Th trình bày là đúng. Sau khi xảy ra mâu thuẫn ông Th không thay đổi tính cách nên tình cảm hai bên càng trầm trọng. Vì vậy, bà cũng thống nhất chấm dứt quan hệ hôn nhân với ông Th.

Về con chung: Bà xác nhận có 01 con chung tên là Hoàng Thị Ngọc L1, sinh năm 1998. Bà thống nhất với ý kiến của ông Th không yêu cầu giải quyết người trực tiếp nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con, do con chung đã thành niên và lập gia đình.

Về tài sản, nợ chung: Hiện nay hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B trình bày ý kiến, quan điểm về vụ án*:** Việc Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, đảm bảo thủ tục tố tụng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc nguyên đơn chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Về yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng của nguyên đơn:

Hội đồng xét xử thấy: Ông Th và bà L thừa nhận tự nguyện tìm hiểu từ khoảng năm 1996. Tại thời điểm tiến tới quan hệ hôn nhân, cũng như trước khi khởi kiện đến Tòa án các bên đều có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 Luật hôn nhân & gia đình năm 2014 nhưng không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại Điều 14 Luật hôn nhân & gia đình năm 2014.

Trong vài năm trở lại đây ông Th và bà L phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do không thống nhất được với nhau trong công việc gia đình, thiếu sự thông cảm, chia sẻ nên thường xuyên cãi vã xúc phạm danh dự của nhau. Hiện nay các bên

đều khẳng định mâu thuẫn trầm trọng, thống nhất yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng để ổn định cuộc sống riêng. Vì vậy, có cơ sở khẳng định mâu thuẫn giữa hai bên là trầm trọng nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, theo quy định tại Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân & gia đình năm 2014 và theo hướng dẫn tại điểm c mục 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10, ngày 09 tháng 6 năm 2000 là phù hợp.

[2] Về con chung: Ông Th và bà L thống nhất xác nhận có 01 con chung là Hoàng Thị Ngọc L1, sinh năm 1998. Ông bà không yêu cầu giải quyết người trực tiếp nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con, do con chung đã thành niên và lập gia đình sống riêng từ lâu.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không ai yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm. Tuy nhiên, hiện nay nguyên đơn thuộc diện người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147; Điều 235; Điều 266; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân & gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà ông Hoàng Anh Th với bà Ngô Thị L.

2. Về con chung: Các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nghĩa vụ trực tiếp nuôi dưỡng, cấp dưỡng cho con chung Hoàng Thị Ngọc L1, sinh năm 1998.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Ông Hoàng Anh Th được miễn được miễn số tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện B;
- CCTHADS huyện B;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lường Văn Tình